

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2022/DS – ST

Ngày: 24/6/2022

V/v “*yêu cầu chia tài sản chung hộ gia đình, chia thừa kế theo pháp luật, theo di chúc, hủy di chúc*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Á
2. Bà Trần Thị Thu Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Quang– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/2019/TLST- DS ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc “*yêu cầu chia tài sản chung hộ gia đình, chia thừa kế theo pháp luật, theo di chúc, hủy di chúc*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vợ chồng ông Lý Văn T, sinh năm 1968

Bà Trương Thị P, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khu phố TL2, phường TQN, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đại diện hợp pháp của ông T: Bà Trương Thị P, sinh năm 1974, địa chỉ: Khu phố TL2, phường TQN, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định là đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền ngày 07/10/2019).

Đại diện hợp pháp của bà P: Ông Trần Quốc K, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu phố TXB, phường HH, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định là đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền ngày 23/02/2022).

2. Bị đơn: Võ Thị C, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố TL1, phường TQN, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lý Tự Tr, sinh năm 1954 (vắng mặt)
- Ông Lý Thái D, sinh năm 1958 (vắng mặt)
- Ông Lý Th, sinh năm 1949 (có mặt)
- Ông Lý Bửu T1, sinh năm 1954 (vắng mặt)
- Bà Lý Thị N, sinh năm 1960 (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1968 (có mặt)
- Anh Lý Quốc V1, sinh năm 1999 (có mặt)
- Anh Lý Quốc V, sinh năm 2001 (vắng mặt)
- Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1963(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố TL1, phường TQN, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ông Lý Văn T: Ông Trần Quốc K – Luật sư thuộc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn PVS, đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện và trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lý Văn T là: Ông Lý Văn T là con của cụ Lý N (sinh năm 1927, chết năm 2014) và cụ Bùi Thị Th (sinh năm 1928, chết năm 2003). Hai cụ N và Th có bảy người con là Lý Th, sinh năm 1949, Lý Bửu T1, sinh năm 1954, Lý Tụ Tr, sinh năm 1954, Lý Thái D, sinh năm 1958, Lý Thị N, sinh năm 1960, Lý Văn T, sinh năm 1968 và Lý Văn M, sinh năm 1968 (chết năm 2003). Ông Lý Văn M có vợ là Võ Thị C, sinh năm 1972 và hai người con là Lý Quốc V1, sinh năm 1999 và Lý Quốc V, sinh năm 2001.

Hai cụ chết có để lại di sản là một phần quyền sử dụng các thửa đất số 521, tờ bản đồ số 14 phường TQN, diện tích 1006,7 m² (đất trồng lúa), thửa đất số 367, tờ bản đồ số 14 (đất trồng lúa), diện tích 563.1 m² và thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13 phường TQN, diện tích 2064.7 m² (200 m² đất ở tại nông thôn, 1564.7 m² đất trồng cây lâu năm). Cụ Lý N có để lại di chúc để lại di sản của mình cho hai cháu Lý Quốc V1 và Lý Quốc V. Cụ Bùi Thị Th chết không để lại di chúc. Trên thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13 phường TQN có tài sản là căn nhà của hai cụ Lý N, Bùi Thị Th, một ngôi nhà của bà Võ Thị C, một ngôi nhà của bà Nguyễn Thị Ng.

Nay ông Lý Văn T, bà Trương Thị P yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ Bùi Thị Th để lại và chia tài sản chung hộ gia đình là quyền sử dụng các thửa đất số 521, tờ bản đồ số 14 phường TQN, diện tích 1006,7 m² (đất trồng lúa), thửa đất số 367, tờ bản đồ số 14 (đất trồng lúa), diện tích 563.1 m² và thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13 phường TQN, diện tích 2064.7 m² (500 m² đất ở tại nông thôn, 1564.7 m² đất trồng cây lâu năm).

Ông Lý Văn T yêu cầu hủy di chúc lập ngày 10/3/2009 của ông Lý N đồng thời yêu cầu chia thừa kế di sản do hai cụ Lý N, Bùi Thị Th để lại. Vẫn giữ nguyên yêu cầu chia tài sản chung hộ gia đình cho các đồng thừa kế.

Nguyên đơn yêu cầu được nhận phần đất vị trí ngang từ điểm số 20 đến 22 và 23 đến 26 theo trích lục bản đồ địa chính số 67, tờ bản đồ số 13 phường TQN.

+ Theo đơn khởi kiện và trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trương Thị P là: Ông thống nhất với trình bày của bà Trương Thị P, không có ý kiến bổ sung.

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lý Văn T, luật sư Trần Quốc K trình bày:* Ông thống nhất với trình bày của bà Trương Thị P, không có ý kiến bổ sung.

+ *Theo trình bày của bị đơn bà Võ Thị C là:* Bà là vợ của ông Lý Văn M (sinh năm 1968, chết năm 2003). Vợ chồng bà kết hôn năm 1992 và có hai người con tên Lý Quốc V1 – sinh năm 1999 và Lý Quốc V – sinh năm 2001.

Cha mẹ chồng bà là ông Lý N (sinh năm 1927, chết năm 2014) và bà Bùi Thị Th (sinh năm 1928, chết năm 2003). Cha mẹ chồng bà chết có để lại di sản là một phần quyền sử dụng các thửa đất số 521, tờ bản đồ số 14, thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13 và thửa đất số 367, tờ bản đồ số 14 cùng tọa lạc tại phường Tam Quan Nam. Mẹ chồng bà chết không để lại di chúc, cha chồng bà có để lại di chúc cho lại toàn bộ di sản của cụ cho hai con bà.

Nay vợ chồng ông Lý Văn T và bà Trương Thị P yêu cầu chia tài sản chung hộ gia đình và chia thừa kế theo pháp luật, bà đồng ý chia. Hiện tại, bà đã xây dựng nhà trên đất. Bà yêu cầu được nhận phần đất gắn liền với ngôi nhà mà bà đã xây dựng và giao chung cùng với bà Ng và hai con của bà. Bà yêu cầu được nhận phần đất ruộng bà đang sử dụng. Bà không đồng ý với yêu cầu hủy di chúc của cụ Lý N. Theo bà di chúc này là hợp lệ, đúng pháp luật.

+ *Theo trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng là:* Bà là cháu của ông Lý N và được ông Lý N nuôi dưỡng từ nhỏ nên có tên trong hộ của ông Lý N tại thời điểm Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất.

Bác bà và bác gái là Bùi Thị Th khi chết có để lại di sản là một phần quyền sử dụng các thửa đất số 521, tờ bản đồ số 14, thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13 và thửa đất số 367, tờ bản đồ số 14 cùng tọa lạc tại phường TQN. Hiện tại đối với phần đất cấp cho bà theo hộ gia đình bà đã xây dựng nhà ở ổn định và hiện sống cùng cháu là Lý Quốc V.

Nay vợ chồng ông Lý Văn T và bà Trương Thị P yêu cầu chia tài sản chung hộ gia đình và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, bà đồng ý chia và yêu cầu được nhận phần đất có nhà mà bà đã xây dựng. Bà có nguyện vọng ở phần đất bà đã xây dựng nhà và yêu cầu được chia chung với bà C và các cháu Việt, Vinh.

+ *Theo trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lý Th là:* Cha mẹ ông là ông Lý N (sinh năm 1927, chết năm 2014) và bà Bùi Thị Th (sinh năm 1928, chết năm 2003). Cha mẹ ông có 07 người con tên: Lý Th (sinh năm 1949), Lý Bửu T1, Lý Tự Tr (sinh năm 1954), Lý Thái D (sinh năm 1958), Lý Thị N (sinh năm 1960), Lý Văn T (sinh năm 1968) và Lý Văn M (sinh năm 1968, chết năm 2003). Ông Lý Văn M có vợ là bà Võ Thị C và hai con là Lý Quốc V và Lý Quốc V1.

Cha mẹ ông chết có để lại di sản là một phần quyền sử dụng các thửa đất số 521, tờ bản đồ số 14, thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13 và thửa đất số 367, tờ bản đồ số 14 cùng tọa lạc tại phường TQN. Mẹ ông chết không để lại di chúc, cha ông có để lại di chúc cho lại toàn bộ di sản của cha ông cho hai cháu là Lý Quốc V và Lý Quốc V1 con của ông Lý Văn M.

Nay vợ chồng ông Lý Văn T và bà Trương Thị P yêu cầu chia tài sản

chung hộ gia đình và chia thừa kế theo pháp luật, ông đồng ý chia.

Trên đất hiện có nhà từ đường do ông quản lý, nhà ở do bà Nguyễn Thị Ng quản lý và nhà của bà C mới xây dựng. Ông đồng ý nhận phần di sản của mẹ để lại được các em ông giao lại cho ông và có nguyện vọng được ở trong căn nhà do cha mẹ để lại. Ông được nghe cha ông kể lại là trước đây khi xây dựng nhà, em ông là Lý Văn M đã góp cho cha ông 3 cây vàng để xây dựng nhà. Ông đã thôi cho bà C và hai cháu V, V1 90.000.000 đồng khi bà C xây dựng nhà.

Ông không đồng ý với yêu cầu hủy di chúc do cha ông, ông Lý N để lại của vợ chồng ông T, bà P.

+ Theo trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lý Quốc VI là: Cha anh tên Lý Văn M (sinh năm 1968, chết năm 2003), mẹ anh tên Võ Thị C. Ông bà nội anh tên Lý N (sinh năm 1927, chết năm 2014) và bà Bùi Thị Th (sinh năm 1928, chết năm 2003). Ông bà nội anh có 07 người con tên: Lý Th (sinh năm 1949), Lý Bửu T1 (sinh năm 1954), Lý Tự Tr (sinh năm 1954), Lý Thái D (sinh năm 1958), Lý Thị N, Lý Văn T (sinh năm 1968) và Lý Văn M.

Ông bà nội anh chết có để lại di sản là một phần quyền sử dụng các thửa đất số 521, tờ bản đồ số 14, thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13 và thửa đất số 367, tờ bản đồ số 14 cùng tọa lạc tại phường TQN. Bà nội anh chết không để lại di chúc, ông nội anh có để lại di chúc cho lại toàn bộ di sản của ông nội anh cho hai anh em là Lý Quốc V và Lý Quốc VI con của ông Lý Văn M.

Trong hộ ông nội anh thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất có 05 nhân khẩu gồm ông bà nội tôi, bác Lý Văn T, cha tôi Lý Văn M và cô anh Nguyễn Thị Ng.

Trên đất hiện có nhà từ đường do ông Lý Th quản lý, nhà ở do bà Nguyễn Thị Ng xây dựng và nhà ở do mẹ anh Võ Thị C xây dựng. Nay bác anh ông Lý Văn T yêu cầu chia tài sản chung hộ gia đình, và chia thừa kế di sản của ông bà nội anh để lại anh đồng ý.

Anh yêu cầu được chia cho ba mẹ con phần tài sản chung trong hộ gia đình của cha anh Lý Văn M, phần di chúc của ông nội anh để lại và phần thừa kế của bà nội anh để lại cho cha anh cho ba mẹ con anh Võ Thị C, Lý Quốc V1, Lý Quốc V tại vị trí có nhà của mẹ con anh đủ diện tích đất theo quy định của pháp luật.

Anh không đồng ý với yêu cầu hủy di chúc do ông nội anh để lại của vợ chồng ông Lý Văn T, bà Trương Thị P.

+ Theo trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị S là: Bà là người sử dụng thửa đất số 75, tờ bản đồ số 13 (VN 2000) phường TQN, liền kề với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13 (VN 2000) phường TQN. Ranh giới giữa hai thửa đất được xây dựng bằng tường gạch và sử dụng ổn định từ trước đến nay, không có tranh chấp gì. Bà thống nhất với hiện trạng sử dụng và không có yêu cầu hay tranh chấp gì.

+ Theo trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND phường TQN là: Ngày 12/3/2009 UBND xã TQN (nay là phường TQN) đã ký chứng thực di chúc của cụ Lý N, sinh năm 1927 (TL1, TQN). Tại thời điểm ký chứng thực thì cụ Lý N có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Nội dung di chúc thể

hiện theo ý nguyện của cụ Lý N và nhận được sự đồng thuận của những người con trong gia đình ông. Nội dung di chúc cụ Lý N để lại tài sản của mình là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13 phường TQN cho hai cháu là Lý Quốc V1 và Lý Quốc V. Nay ông Lý Văn T yêu cầu hủy di chúc của cụ Lý N thì UBND phường TQN yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vì công việc nên đại diện UBND phường TQN yêu cầu được giải quyết, xét xử vắng mặt.

+ *Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* yêu cầu chia đất hộ gia đình, chia thừa kế theo pháp luật của cụ Bùi Thị Th và yêu cầu chia bằng hiện vật. Yêu cầu hủy di chúc của cụ Lý N. Yêu cầu 500m² đất ở là của tất cả các thành viên trong hộ gia đình chứ không phải của vợ chồng cụ Lý N.

+ *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: áp dụng các Điều 102, 212, 219, 262, 612, 613, 630, 649, 643, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 147, 157 Luật Tố tụng dân sự; khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn T, bà Trương Thị P về việc chia thừa kế theo pháp luật và chia tài sản chung hộ gia đình.

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lý Văn T về việc yêu cầu hủy di chúc của cụ Lý N lập ngày 12/3/2009.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự về việc phân chia hai thửa ruộng lúa.

Về chi phí định giá: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Trương Thị P là bà Trương Thị P chịu.

Về án phí: các bên nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền: Phần diện tích đất có yêu cầu chia thừa kế giữa hai bên tọa lạc tại phường TQN, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Căn cứ quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu hủy di chúc. Ngày 12/3/2009 cụ Lý N lập di chúc để lại nhà, đất, dừa trên đất tại thửa đất số 67 tờ bản đồ số 13 phường TQN cho hai cháu nội của mình là Lý Quốc V1 và Lý Quốc V sau khi ông qua đời. Di chúc này được UBND xã TQN (nay là phường TQN) ký chứng thực và có các con, cháu, dâu của cụ Lý N cùng hai người làm chứng ký vào di chúc. Theo giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 409233 cấp ngày 25/6/2008 thì thửa đất số 67, tờ bản đồ 13 phường TQN cấp cho hộ gia đình cụ Lý N. Qua xác minh tại UBND phường TQN và UBND thị xã Hoài Nhơn thì hộ gia đình cụ Lý N gồm có 6 khẩu nông nghiệp được cân đối giao quyền theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ. Như vậy, việc UBND phường TQN ký chứng thực di chúc của cụ Lý N qua đó quyết định toàn bộ thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13 phường TQN là không đúng. Cụ Lý N chỉ có quyền lập di chúc để lại tài sản của mình và quyền sử dụng một phần đất tương ứng với phần đất mà mình được cân đối giao quyền. Như vậy, ông Lý Văn T yêu cầu hủy toàn bộ di chúc là không có căn cứ, di chúc lập ngày 12/3/2009 do UBND phường TQN ký chứng thực có hiệu lực một phần đối với phần cụ Lý N được cân đối giao quyền.

[2.2] Yêu cầu chia đất hộ gia đình. Tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cụ Lý N thì hộ gia đình cụ Lý N gồm có 6 nhân khẩu nông nghiệp là Lý N, Bùi Thị Th, Lý Văn T, Trương Thị P, Lý Văn M và Nguyễn Thị Ng. Hộ gia đình cụ Lý N được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng các thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.064,7m² (loại đất ở và đất trồng cây lâu năm); thửa đất số 521, tờ bản đồ số 14 diện tích 1.006,7m² đất trồng lúa, thửa đất số 367, tờ bản đồ số 14 diện tích 563,1m² đất trồng lúa phường TQN.

Đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.064,7m² (loại đất ở và đất trồng cây lâu năm). Qua đo đạc lại thì diện tích thực tế của thửa đất là 2.063,7m². Ranh giới của thửa đất so với VN 2000 có sự thay đổi, qua làm việc với UBND thị xã Hoài Nhơn, UBND phường TQN và hộ dân liền kề thì ranh giới thửa đất không có sự thay đổi, hộ dân liền kề không có sự tranh chấp. Diện tích cũng như hiện trạng đất có sự thay đổi là do diện tích đất mộ trong khu đất không được trừ ra trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phần đất mộ trước đây không được đưa vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng sau đó bà Nguyễn Thị Ng cải táng mộ và xây dựng nhà trên phần đất này. Việc xây dựng nhà của bà Nguyễn Thị Ng tại thời điểm năm 2019 không cần giấy phép xây dựng và UBND phường TQN cũng không có ý kiến gì nên công nhận diện tích cải táng mộ của bà Nguyễn Thị Ng mà bà Ng đã xây dựng nhà vào thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13 phường TQN.

Thửa đất này có nguồn gốc từ vợ chồng cụ Lý N tạo mãi được. Như vậy, phần diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng của vợ chồng cụ Lý N, Bùi Thị Th. Phần diện tích đất trồng cây hàng năm khác 2.063,7m² đất – 200m² đất ở = 1.863,7m² đất : 6 nhân khẩu = 310m²/1 nhân khẩu (tròn số) đất trồng cây hàng năm khác.

Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2009 Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hoài Nhơn căn cứ vào Quyết định số 7292/QĐ-UBND ngày 11/12/2009 của UBND huyện Hoài Nhơn cho phép hộ ông Lý N chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm sang sử dụng vào mục đích đất ở 300m². Đối với diện tích đất ở tăng thêm này thuộc quyền sử dụng của vợ chồng cụ Lý N, Bùi Thị Th và diện tích đất ở tăng thêm này sẽ được trừ vào diện tích đất trồng cây lâu năm của hai cụ trong phần cân đối giao quyền mỗi người 150m².

Như vậy ông Lý Văn M, bà Nguyễn Thị Ng và bà Trương Thị P, ông Lý

Văn T mỗi người được cân đối 310m^2 đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13 phường TQN.

[2.3] Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Bùi Thị Th và chia thừa kế theo di chúc đối với phần di sản của cụ Lý N. Cụ Bùi Thị Th chết ngày 06/5/2003 theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu của ông Lý Văn T còn trong thời hiệu chia thừa kế theo pháp luật.

Thời điểm mở thừa kế của cụ Bùi Thị Th ngày 06/5/2003. Qua phân tích ở trên thì cụ Bùi Thị Th được quyền sử dụng 250m^2 đất ở và 160m^2 đất trồng cây lâu năm. Cụ Bùi Thị Th có 07 người con, tại thời điểm cụ Bùi Thị Th chết thì cha mẹ của cụ Bùi Thị Th cũng không còn. Như vậy, di sản của cụ Bùi Thị Th để lại có 8 người trong hàng thừa kế thứ nhất gồm 07 người con và chồng là cụ Lý N. Mỗi kỹ phần được hưởng 250m^2 đất ở / 8 kỹ phần = $31,25\text{m}^2$ đất ở và 160m^2 đất trồng cây lâu năm / 8 kỹ phần = 20m^2 đất trồng cây lâu năm.

Như vậy ông Lý Văn T được quyền sử dụng 330m^2 đất trồng cây lâu năm và $31,25\text{m}^2$ đất ở.

Các ông bà Lý Tự Tr, Lý Thái D, Lý Bửu T1, Lý Thị N từ chối nhận di sản từ cụ Bùi Thị Th để lại và giao phần mình được nhận cho ông Lý Th. Việc từ chối nhận di sản của các ông, bà Lý Tự Tr, Lý Thái D, Lý Bửu T1, Lý Thị N xuất phát từ tình cảm gia đình chứ không phải vì trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của bên thứ 3 nên được chấp nhận. Như vậy, ông Lý Th được nhận $5/8$ kỹ phần của cụ Bùi Thị Th để lại. Ông Lý Th được nhận 20m^2 đất trồng cây lâu năm x 5 kỹ phần của cụ Bùi Thị Th = 100m^2 đất trồng cây lâu năm và $31,25\text{m}^2$ đất ở x 5 = $156,25\text{m}^2$ đất ở.

Thời điểm mở thừa kế của ông Lý Văn M ngày 25/11/2003. Ông Lý Văn M được quyền sử dụng 310m^2 đất trồng cây lâu năm và nhận một kỹ phần thừa kế của cụ Bùi Thị Th để lại cụ thể là 310m^2 đất trồng cây lâu năm + 20m^2 đất trồng cây lâu năm = 330m^2 đất trồng cây lâu năm và $31,25\text{m}^2$ đất ở. Thời điểm ông Lý Văn M chết thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Lý Văn M gồm có 4 người gồm cha Lý N, vợ Võ Thị C và hai con là Lý Quốc V1 và Lý Quốc V. Trong quá trình giải quyết vụ án thì những người trong hàng thừa kế thứ nhất của ông Lý Văn M không có đơn yêu cầu chia di sản của ông Lý Văn M để lại, nhưng họ yêu cầu được nhận di sản của ông Lý Văn M và nhập chung phần di sản của cụ Lý N để lại và phân cân đối cho bà Nguyễn Thị Ng thành một thừa nên cần phải chia di sản của ông Lý Văn M mới giải quyết được vụ án.

Như vậy cụ Lý N được quyền sử dụng phần đất ở 250m^2 , đất trồng cây lâu năm 160m^2 và nhận được kỹ phần từ vợ là cụ Bùi Thị Th và kỹ phần của con Lý Văn M. Kỹ phần của Lý Văn M là 330m^2 đất trồng cây lâu năm / 4 kỹ phần = $82,5\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm và $31,25\text{m}^2$ đất ở / 4 kỹ phần = $7,8\text{m}^2$ đất ở. Cụ thể cụ Lý N được quyền sử dụng 250m^2 đất ở + $31,25\text{m}^2$ đất ở + $7,8\text{m}^2$ đất ở = 289m^2 đất ở và 160m^2 đất trồng cây lâu năm + $82,5\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm + 20m^2 đất trồng cây lâu năm = $262,5\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm.

Như phân tích ở phần [2.1] thì cụ Lý N trọn quyền định đoạt phần sử dụng đất đối với 289m^2 đất ở và $262,5\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm.

Theo di chúc cụ Lý N để lại thì nguyện vọng của cụ là cụ để lại phần di sản của mình cho hai cháu nội mồ côi là Lý Quốc V1 và Lý Quốc V, phần còn

lại có ngôi nhà giao cho Lý Quốc V1 nhưng dùng vào việc thờ cúng ông bà. Sau khi cụ Lý N qua đời thì người con trai cả của cụ Lý N là ông Lý Th thống nhất với các anh em và hai cháu Lý Quốc V1 và Lý Quốc V là ông cùng với gia đình mình về sống trên ngôi nhà của cụ Lý N để lại và thôi lại cho hai cháu một phần tiền để hai cháu xây dựng ngôi nhà mới và việc này các bên đương sự cũng đồng ý. Gia đình ông Lý Th ở ổn định từ năm 2019 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các bà Võ Thị C, Nguyễn Thị Ng cùng với Lý Quốc V và Lý Quốc V1 đều thống nhất giao chung cho 4 người phần đất mà họ được hưởng từ di sản của cụ Lý N, ông Lý Văn M cũng như phần đất hộ gia đình mà họ được cân đối. Cụ thể quyền sử dụng đất của các bà Võ Thị C, Nguyễn Thị Ng cùng với Lý Quốc V và Lý Quốc V1 được quyền sử dụng cụ thể: 310m² đất trồng cây lâu năm của bà Nguyễn Thị Ng + (phần di sản của ông Lý Văn M để lại 330m² đất trồng cây lâu năm : 4x3 = 247,5m² đất trồng cây lâu năm và 31,25m² đất ở: 4x3 = 23,4m² đất ở) + phần di sản của cụ Lý N để lại 289m² đất ở + 262,5m² đất trồng cây lâu năm = 312,4m² đất ở + 820m² đất trồng cây lâu năm = 1.132,4m² đất các loại.

Số tài sản khác trên đất gồm có dừa, hàng rào ... số dừa này theo di chúc của cụ Lý N thì giao lại cho hai cháu là Lý Quốc V1 và Lý Quốc V. Tại phiên tòa hôm nay ghi nhận sự tự nguyện của Lý Quốc V1 và Lý Quốc V là ai nhận được phần đất nào thì sẽ sở hữu số cây dừa trên phần đất đó mà không có yêu cầu gì.

Trên thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13 phường TQN hiện tại có một ngôi nhà do bà Nguyễn Thị Ng có diện tích 101,3m², một ngôi nhà do bà Võ Thị C xây dựng có diện tích 121,4m², một ngôi nhà do cụ Lý N để lại được ông Lý Th sửa chữa lại có diện tích 135,9m². Thiết nghĩ nên giao những phần đất có nhà cho những người sở hữu phần nhà trên đất là phù hợp.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng:

Giao cho các ông bà Nguyễn Thị Ng, Võ Thị C, Lý Quốc V1, Lý Quốc V quyền sử dụng phần đất có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: phần đất còn lại cùng thửa dài 19,18m; 20,79 m.
- Tây giáp: đường bê tông dài 16,62m; 2,75m; 7,02m; 5,61m; 0,95m; 0,7m; 7,08m.
- Nam giáp: đường bê tông dài 2m; 3,64m; 8,13m; 3,95m.
- Bắc giáp: thửa đất số 68 dài 16,22m; 11,57 m.

Diện tích: 1.028,9m². Trong đó có 303 m² đất ở, 725,9 m² đất trồng cây lâu năm.

Các ông bà Nguyễn Thị Ng, Võ Thị C, Lý Quốc V1, Lý Quốc V được quyền sở hữu hai ngôi nhà xây trên phần đất này, hàng rào, cửa ngõ, cây dừa có trên phần đất mình được giao.

Ghi nhận sự tự nguyện của các ông bà giao phần đất trồng cây lâu năm mình được nhận còn dư là đất trồng cây lâu năm cho ông Lý Th.

Ghi nhận sự tự nguyện của các ông bà là trích phần đất ở của mình sang cho ông Lý Văn T để ông Lý Văn T được 40m² đất ở.

Giao cho bà Trương Thị P quyền sử dụng phần đất có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: phần đất còn lại giao cho ông T, ông Th dài 39,14 m
- Tây giáp: phần đất còn lại giao cho bà C, bà Ng ... dài 19,18m; 20,79m.
- Nam giáp: đường bê tông dài 7,91m
- Bắc giáp: thửa 68 dài 11,57m

Diện tích: 310m² đất trồng cây lâu năm

Giao cho ông Lý Văn T quyền sử dụng phần đất có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: thửa 72, 75 dài 7,31m; 5m; 1,81m; 3,57m; 2,46m; 5,19m; 4,71m; 7,61m; 3,86m
- Tây giáp: phần đất còn lại giao cho bà P, ông Th dài 28,25m; 8,20m.
- Nam giáp: đường bê tông, đất giao cho ông Th dài 7,93m; 5,25m; 1,02m; 2,7m.
- Bắc giáp: thửa 68 dài 15,52m.

Diện tích: 350,2m².

Đối với diện tích đất ở của ông Lý Văn T, ông chỉ được thừa kế 31,25m² đất ở từ cụ Bùi Thị Th. Ghi nhận sự tự nguyện của các ông bà Nguyễn Thị Ng, Võ Thị C, Lý Quốc V1 để lại cho ông là ông Lý Văn T diện tích đủ 40m² đất ở để được tách thửa nên diện tích đất ở của ông Lý Văn T là 40m², phần đất trồng cây lâu năm là 310,2m².

Giao cho ông Lý Th quyền sử dụng phần đất có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: phần đất còn lại cùng thửa giao cho ông T dài 28,25m
- Tây giáp: phần đất còn lại giao cho bà P dài 30,94m
- Nam giáp: đường bê tông dài 1,33m; 2,88m; 6,27m; 2,60m
- Bắc giáp: phần đất còn lại giao cho ông T dài 7,93m; 5,25m

Diện tích: 374,6m². Trong đó có 157m² đất ở, 217,6m² đất trồng cây lâu năm.

Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa các bên tại phiên tòa, các bên không đòi trả cho nhau phần diện tích đất được nhận chênh lệch giữa diện tích đất được chia và diện tích đất được cân đối + chia thừa kế.

Về tài sản trên đất:

Phần đất của những người được giao có những tài sản nào trên đất như dứa, hàng rào thì được sở hữu những tài sản này.

Phần đất giao cho bà Trương Thị P, ông Lý Th có phần nhà dùng để tráng bánh của cụ Lý N để lại đã hết giá trị sử dụng. Phần nhà kho này đang do ông Lý Th quản lý, ông Lý Th dọn dỡ phần nhà tráng bánh này trả mặt bằng cho bà Trương Thị P.

Đối với hai thửa đất ruộng số 521, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.006,7m² và thửa 367, tờ bản đồ số 14, diện tích 563,1m² đất trồng lúa. Ghi nhận sự tự thỏa thuận phân chia của các bên đương sự tại phiên tòa. Ông Lý Th được các ông bà Lý Bửu T1, Lý Thái D, Lý Thị N và Lý Tự Tr từ chối nhận và giao lại cho ông Lý Th. Tại phiên tòa ông Lý Th, bà Nguyễn Thị Ng đồng ý giao quyền sử dụng 02 hai thửa đất trên cho bà Võ Thị C và vợ chồng ông Lý Văn T, Trương Thị P sử dụng như họ đang sử dụng từ trước đến nay nên ghi nhận sự tự thỏa thuận này.

- Giao cho bà Võ Thị C quyền sử dụng 1.006,7m² đất lúa tại thửa đất số 521, tờ bản đồ số 14 phường TQN có kích thước và giới cận như sau:

Đông giáp: thửa 520 dài 53,6m; 1m

Tây giáp: thửa 522 dài 48,7m; 4,9m

Nam giáp: đường đất dài 15,6m

Bắc giáp: đường đất dài 12,1m; 8,7m

- Giao cho vợ chồng ông Võ Văn Tài, bà Trương Thị P quyền sử dụng 563,1m² đất trồng lúa tại thửa đất số 367, tờ bản đồ số 14 phường TQN có kích thước và giới cận như sau:

Đông giáp: thửa 366, 368 dài 10,7m; 7,6m

Tây giáp: thửa 293 dài 21,8m

Nam giáp: thửa 370 dài 10m; 14,9m; 1m; 2,4m

Bắc giáp: đường đất dài 25,8m

[3] Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ. Bà Trương Thị P thỏa thuận nộp, bà Trương Thị P đã nộp đủ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo biên bản định giá ngày 02/6/2022 thì giá đất ở 1.000.000đồng/m² và 500.000 đồng/m² đất trồng cây lâu năm. Như vậy giá trị tài sản những người được nhận có giá trị cụ thể như sau:

Bà Võ Thị C, Nguyễn Thị Ng, Lý Quốc V1, Lý Quốc V: 303 m² đất ở x 1.000.000đ/m² + 725,9 m² đất trồng cây lâu năm x 500.000 đ/m² = 665.950.000 đồng. Án phí phải nộp là: 30.638.000 đồng

Phần án phí chia đất ruộng lúa của bà Võ Thị C: 1.006,7m² x 73.000 đồng/m² = 73.489.000 đồng x 5% = 3.674.000 đồng.

Bà Trương Thị P, ông Lý Văn T thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo nên được miễn.

Ông Lý Th là người cao tuổi nên được miễn.

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: về yêu cầu chia đất hộ gia đình, chia thừa kế theo pháp luật của cụ Bùi Thị Th và yêu cầu chia bằng hiện vật là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận. Yêu cầu hủy di chúc của cụ Lý N là phù hợp một phần với nhận định trên nên được chấp nhận một phần. Yêu cầu 500m² đất ở là của tất cả các thành viên trong hộ gia đình chứ không phải của vợ chồng cụ Lý N là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015,

Căn cứ các Điều 102, 212, 219, 609, 611,612, 613, 620, 623, 624, 635, 643, 649, 651, 660 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn T, bà Trương Thị P về việc chia thừa kế theo pháp luật và chia tài sản chung hộ gia đình.

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lý Văn T về việc yêu cầu hủy di chúc của cụ Lý N lập ngày 12/3/2009 được UBND xã TQN (nay là phường TQN) ký chứng thực.

1.1 Giao cho các ông bà Nguyễn Thị Ng, Võ Thị C, Lý Quốc V1, Lý Quốc V quyền sử dụng phần đất có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: phần đất còn lại cùng thửa dài 19,18m; 20,79 m.
- Tây giáp: đường bê tông dài 16,62m; 2,75m; 7,02m; 5,61m; 0,95m; 0,7m; 7,08m.
- Nam giáp: đường bê tông dài 2m; 3,64m; 8,13m; 3,95m.
- Bắc giáp: thửa đất số 68 dài 16,22m; 11,57 m.

Diện tích: 1.028,9m². Trong đó có 303 m² đất ở, 725,9 m² đất trồng cây lâu năm.

Các ông bà Nguyễn Thị Ng, Võ Thị C, Lý Quốc V1, Lý Quốc V được quyền sở hữu những tài sản có trên phần đất mình được giao.

Ghi nhận sự tự nguyện của các ông bà giao phần đất trồng cây lâu năm mình được nhận còn dư là đất trồng cây lâu năm cho ông Lý Th; giao phần đất ở cho ông Lý Văn T để ông Lý Văn T được giao 40m² đất ở.

1.2 Giao cho bà Trương Thị P quyền sử dụng phần đất có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: phần đất còn lại giao cho ông T, ông Th dài 39,14 m
 - Tây giáp: phần đất còn lại giao cho bà C, bà Ng, ông V1, ông V dài 19,18m; 20,79m.
 - Nam giáp: đường bê tông dài 7,91m
 - Bắc giáp: thửa 68 dài 11,57m
- Diện tích: 310m² đất trồng cây lâu năm

1.3 Giao cho ông Lý Văn T quyền sử dụng phần đất có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: thửa 72, 75 dài 7,31m; 5m; 1,81m; 3,57m; 2,46m; 5,19m; 4,71m; 7,61m; 3,86m
- Tây giáp: phần đất còn lại giao cho bà P, ông Th dài 28,25m; 8,20m.
- Nam giáp: đường bê tông, đất giao cho ông Th dài 7,93m; 5,25m; 1,02m; 2,7m.
- Bắc giáp: thửa 68 dài 15,52m.

Diện tích: 350,2m². Trong đó có 40m² đất ở và 310,2m² đất trồng cây lâu năm.

1.4 Giao cho ông Lý Th quyền sử dụng phần đất có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: phần đất còn lại cùng thửa giao cho ông T dài 28,25m
 - Tây giáp: phần đất còn lại giao cho bà P dài 30,94m
 - Nam giáp: đường bê tông dài 1,33m; 2,88m; 6,27m; 2,60m
 - Bắc giáp: phần đất còn lại giao cho ông T dài 7,93m; 5,25m
- Diện tích: 374,6m². Trong đó có 157m² đất ở, 217,6m² đất trồng cây lâu năm.

Ông Lý Th được quyền sở hữu ngôi nhà do cụ Lý N để lại có trên phần đất mình được giao.

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo)

Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa các bên tại phiên tòa, các bên không thời trả cho nhau giá trị phần diện tích đất được nhận có sự chênh lệch giữa diện tích đất được chia và diện tích đất được cân đối giao quyền + diện tích được chia thừa kế.

Phần đất của những người được giao có những tài sản nào trên đất thì được sở hữu những tài sản đó.

1.5 Buộc ông Lý Th dọn dỡ một phần nhà trảng bánh đã hết giá trị sử dụng nằm trên phần đất giao cho bà Trương Thị P.

1.6 Giao cho bà Võ Thị C quyền sử dụng 1.006,7m² đất trồng lúa tại thửa đất số 521, tờ bản đồ số 14 phường TQN có kích thước và giới cận như sau:

Đông giáp: thửa 520 dài 53,6m; 1m

Tây giáp: thửa 522 dài 48,7m; 4,9m

Nam giáp: đường đất dài 15,6m

Bắc giáp: đường đất dài 12,1m; 8,7m

1.7 Giao cho vợ chồng ông Lý Văn T, bà Trương Thị P quyền sử dụng 563,1m² đất trồng lúa tại thửa đất số 367, tờ bản đồ số 14 phường TQN có kích thước và giới cận như sau:

Đông giáp: thửa 366, 368 dài 10,7m; 7,6m

Tây giáp: thửa 293 dài 21,8m

Nam giáp: thửa 370 dài 10m; 14,9m; 1m; 2,4m

Bắc giáp: đường đất dài 25,8m

2. Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Trương Thị P thỏa thuận nộp. Bà Trương Thị P đã nộp đủ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị C, Nguyễn Thị Ng, Lý Quốc V1, Lý Quốc V liên đới nộp: 30.638.000 đồng sung công Nhà nước.

Bà Võ Thị C nộp: 3.674.000 đồng sung công Nhà nước.

Bà Trương Thị P, ông Lý Văn T thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo nên được miễn.

Ông Lý Th là người cao tuổi nên được miễn.

Hoàn trả cho ông Lý Văn T, bà Trương Thị P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005412 ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

Hoàn trả cho ông Lý Văn T 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005639 ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001300 ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Minh Thành

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Á

Trương Thị Điện

Trần Minh Thành

